

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1071/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 19 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận Bình Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 3221/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trong năm 2017 và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 862/TTr-STNMT ngày 05 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận Bình Thủy với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT									
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	755,28	117,14	162,22	82,42	148,43	105,76	48,04	40,65	50,62
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	30,04	0,28	27,64	0,59	0,42	0,47	0,19	0,40	0,06
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,33	0,24		1,90					1,19
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG									
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,10	0,22	2,19	13,18	1,70	0,14	2,03		0,65
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	10,80	0,22	0,80	0,99	1,28	4,38	1,43	0,14	1,56
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX									
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,70	0,05	0,05	0,04	0,30		0,05	0,09	0,11
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,13						0,13		
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,78		0,78						
2.24	Đất sông, kênh, rạch	SON	1.229,27	12,59	60,31	432,52	119,07	99,40	106,72	169,69	228,99
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC									
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK									
3	Đất chưa sử dụng	CSD									
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN									
5	Đất khu kinh tế*	KKT									
6	Đất đô thị*	KDT									

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				An Thới	Bình Thủy	Bùi Hữu Nghĩa	Long Hòa	Long Xuyên	Thới An Đông	Trà An	Trà Nóc
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	84,46	8,53	3,57	3,46	27,99	29,70	7,51	1,00	2,70
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	9,00				1,50	6,00	0,50		1,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>9,00</i>				<i>1,50</i>	<i>6,00</i>	<i>0,50</i>		<i>1,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,20	0,50		0,50	0,40	0,50	0,20		0,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	73,26	8,03	3,57	2,96	26,09	23,20	6,81	1,00	1,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN									
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN									
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN									
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN									
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN									
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN									
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		323,08	0,70	4,07	3,44	85,18	90,00	105,00	4,69	30,00
	<i>Trong đó:</i>										
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	191,64	0,70	4,07	2,00	50,18	50,00	60,00	4,69	20,00

2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP									
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS									
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác	LUA/HNK	131,44			1,44	35,00	40,00	45,00		10,00
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS									
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	CLN/NTS									
2.7	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU									
2.8	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)									
2.9	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)									
2.10	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)									
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,50								0,50

Ghi chú:

- (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Vị trí, diện tích các khu vực đất chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất được xác định theo Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2017 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất.

Điều 2. Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đến các phường, các phòng, ban và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, phối hợp rà soát quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ quận đến phường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn quận; có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất của quận.

3. Thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

4. Quản lý sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng.

5. Định kỳ quý III hàng năm, Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm và lập kế hoạch sử dụng đất của năm sau gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy, Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Anh Dũng